

Bản án số: 1386/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Tường Phúc – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2019 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 2332/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H.**

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu Q.**

Địa chỉ: đường M, phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/12/2018, tại bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu Q tự nguyện yêu thương nhau và đăng ký kết hôn ngày 13/01/2003 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01.

Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc trong 14 năm. Từ tháng 11 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên bất đồng quan điểm trong sinh hoạt cuộc sống vợ chồng và gia đình, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn. Hiện nay bà H và ông Q đã sống ly thân hơn 02 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung là:

- Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 20/11/2003;
- Nguyễn Ngọc Nguyên N, sinh ngày 26/6/2007.

Bà H có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q:

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Q. Ông Q đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tiến hành giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề ngày 13/8/2019 xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Q.

Bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Được thể hiện đầy đủ trong bài phát biểu số: 107/PB-HNGĐ ngày 19/8/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ giữa bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu Q là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do ông Nam cư trú tại quận Bình Thạnh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập xét xử hợp lệ đối với bị đơn hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, phía nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 19/8/2019 và yêu cầu Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt các đương sự.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 ngày 13/01/2003 của Ủy ban nhân dân phường N, quận P, thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông Q là hợp pháp.

Nay nguyện vọng của bà H muốn ly hôn với ông Q vì lý do tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H và ông Q đã sống ly thân hơn 02 năm nay và không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét,

Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà H và ông Q trong thời gian đầu hạnh phúc, từ tháng 11 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do giữa hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, tính cách không phù hợp, nên dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân hơn 02 năm nay và không thể hàn gắn được, hiện nay bà H không còn tình cảm với ông Q. Vì vậy, nguyện vọng của bà H xin được ly hôn với ông Q là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 406, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/2003 cho trẻ Nguyễn Ngọc Quế A và bản sao giấy khai sinh số 246, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2007 cho trẻ Nguyễn Ngọc Nguyên N đã có đủ cơ sở thể hiện giữa bà H và ông Q có 02 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 20/11/2003 và trẻ Nguyễn Ngọc Nguyên N, sinh ngày 26/6/2007.

Bà H có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Trong suốt quá trình 02 vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay thì bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, các cháu vẫn phát triển tâm sinh lý bình thường, ổn định, sức khỏe tốt. Đồng thời, trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay bà H có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên được ghi nhận. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Quế A và trẻ Nguyên N là được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí DSST: 300.000 đồng, bà H phải đóng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Quế A, sinh ngày 20/11/2003 và trẻ Nguyễn Ngọc Nguyên N, sinh ngày 26/6/2007 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con. Vì quyền lợi của con khi cần thiết đôi bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí DSST: là 300.000 đồng, bà H phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005993 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND phường N, quận P;
- Lưu HS (P).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Huệ